

Bản án số: 22/2019/HS-PT
Ngày 30-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn.

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Tổng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 168/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nông Thị V và đồng phạm, do có kháng cáo của bị hại Chu Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2018/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo không có kháng cáo:

1. Nông Thị V, sinh ngày 14/8/1972 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Công C và bà Tô Thị N (đều đã chết); chồng Lương Văn C1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Trọng V1 (tên gọi khác: C2), sinh ngày 10/4/1987 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trung T và bà Đào Thị A; vợ Trần Thu H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 45/2005/HSST ngày 29/4/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa); bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2018 đến ngày 08/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Đoàn Lê H1, sinh ngày 14/11/1995 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hùng L và bà Ngô Cẩm H2 (bố mẹ ly thân từ năm 2008); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 45/2013/HSST ngày 13/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng với bị cáo biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 15 tháng; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2018 đến ngày 17/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Anh Chu Văn B, sinh năm 1987; trú tại: Thông P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/5/2018, Lê Trọng V1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 29T-1889 chở Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q đi qua trước cửa nhà Nông Thị V thì Nông Thị V gọi Lê Trọng V1 vào nhà ngồi nói chuyện. Lúc này trong nhà có Đỗ Văn H3 đang ngồi chơi. Trong quá trình nói chuyện, Nông Thị V kể cho Lê Trọng V1 nghe việc vợ chồng Chu Văn B và Vi Thị T1 nợ tiền, Nông Thị V đã nhiều lần đòi nhưng không trả đồng thời Nông Thị V có nhờ Lê Trọng V1 đưa được vợ chồng nhà này ra nhà của Nông Thị V để giải quyết việc nợ nần. Lê Trọng V1 đồng ý và bảo Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q đi cùng giúp. Trước khi đi Nông Thị V có đưa cho Lê Trọng V1 bản pho to giấy vay nợ giữa các bên. Do không biết nhà Chu Văn B nên khoảng 19 giờ cùng ngày Nông Thị V điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 12K-0936 đi trước dẫn đường, trên xe còn có Đỗ Văn H3 đi cùng, còn Lê Trọng V1 điều khiển xe ô tô chở Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q đi sau. Khoảng 19 giờ cùng ngày tất cả đến đầu ngõ nhà của Chu Văn B thì Nông Thị V dừng xe và chỉ nhà, chỉ người đang đứng trước cửa là Chu Văn B cho Lê Trọng V1 biết rồi lên xe ô tô ngồi ngoài. Sau đó, Lê Trọng V1 điều khiển xe đi thẳng vào sân, cả nhóm xuống xe đi vào trong nhà Chu Văn B thì cũng thấy Đỗ Văn H3 đi bộ vào cùng. Trong nhà lúc đó chỉ có Chu Văn B nên Lê Trọng V1 nói chuyện với Chu Văn B về việc giải quyết nợ nần với Nông Thị V nhưng Chu Văn B không thừa nhận đó là tiền nợ mà là tiền buôn bán cũng nhau chưa tính toán xong. Lê Trọng V1 quay ra xe ô tô lấy bản photo Giấy vay nợ và một con dao thái dài khoảng 40cm quay vào nhà. Vào trong nhà Lê Trọng V1 tay phải cầm dao, tay trái cầm giấy vay nợ chỉ vào Chu Văn B khẳng định có sự việc vay nợ giữa các

bên và yêu cầu Chu Văn B ra nhà Nông Thị V để giải quyết nhưng Chu Văn B không chịu đi mà đề nghị được quay vào phòng để mặc áo. Do sợ Chu Văn B bỏ chạy nên Lê Trọng V1 không đồng ý mà lao vào cùng Hoàng Văn Q

xốc nách Chu Văn B đưa ra xe ô tô và để ngồi ở ghế sau giữa Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q rồi Lê Trọng V1 điều khiển xe ô tô ra nhà của Nông Thị V. Lúc đó Đỗ Văn H3 cũng đi bộ ra xe rồi cùng Nông Thị V quay về nhà. Khi đến nhà Nông Thị V thì Lê Trọng V1 vút dao ở cạnh nhà và đưa Chu Văn B vào phòng khách. Tại phòng khách Hoàng Văn Q ngồi bên trái Chu Văn B, còn Nông Thị V yêu cầu Chu Văn B gọi điện thoại cho vợ ra nhà Nông Thị V giải quyết việc nợ nần. Trong khi chờ vợ Chu Văn B thì giữa Hoàng Văn Q và Chu Văn B có lời qua tiếng lại nên Hoàng Văn Q đã tát Chu Văn B. Một lúc sau Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q ra nhà nghỉ nghỉ ngơi, còn Đỗ Văn H3 cũng đi khỏi nhà Nông Thị V. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q quay lại nhà của Nông Thị V xem vợ Chu Văn B đã ra chưa thì gặp Mạc Văn K thuê trọ ở gần đây được vợ của Chu Văn B gọi điện thoại nhờ đến xem tình hình thế nào. Một lát sau Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1, Hoàng Văn Q quay lại nhà nghỉ. Qua nói chuyện với Chu Văn B thì Mạc Văn K đứng ra đảm bảo với Nông Thị V là sáng ngày hôm sau Chu Văn B sẽ đưa cho Mạc Văn K 10.000.000 đồng để Mạc Văn K đưa số tiền đó cho Nông Thị V. Thấy vậy Nông Thị V đồng ý và cho Chu Văn B về nhà. Đến ngày hôm sau 25/5/2018 Chu Văn B chưa đưa tiền cho Mạc Văn K, còn các bị cáo bị bắt giữ.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nông Thị V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1.

Tuyên bố các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Xử phạt bị cáo Nông Thị V 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng V1 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Xử phạt bị cáo Đoàn Lê H1 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Giao bị cáo Nông Thị V cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Trọng V1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đoàn Lê H1 cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định phần xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2018, bị hại Chu Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1. Đưa vợ của bị hại là chị Vi Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Chu Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của bị hại Chu Văn B làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Chu Văn B có đơn kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 3 nhưng anh Chu Văn B vẫn vắng mặt, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại là anh Chu Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1 và Đoàn Lê H1. Đưa vợ của anh là chị Vi Thị T1 vào tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý và đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐXXPT-HS ngày 02/01/2019 và quyết định số: 19/2019/QĐXXPT-HS ngày 22/01/2019, các quyết định này đều được tổng đạt hợp lệ, nhưng anh Chu Văn B đều vắng mặt và chỉ để chị Vi Thị T1 ra trình báo lý do, Hội đồng xét xử đã giải thích rõ cho chị T1 nhiều lần. Do vậy, lần xét xử thứ 3 này, Hội đồng đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh Chu Văn B là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Chu Văn B và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 về tội Bắt giữ người trái pháp luật theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 của bị hại Chu Văn B, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với

các bị cáo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xét, nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án bắt nguồn từ việc giữa bị hại Chu Văn B và bị cáo Nông Thị V chưa thống nhất được với nhau về việc thanh toán sổ sách trong thời gian làm ăn buôn bán cùng nhau từ năm 2014. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, về nhân thân bị cáo Nông Thị V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 đã từng bị Tòa án xử phạt nhưng đã chấp hành xong, được xóa án tích và được coi chưa có tiền án, tiền sự. Xét các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 về án treo. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, mỗi bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng; tuyên phạt bị cáo Đoàn Lê H1 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Chu Văn B vắng mặt lần thứ 3. Hơn nữa, khi kháng cáo anh Chu Văn B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ cho việc kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại Chu Văn B.

[4] Đối với yêu cầu của bị hại Chu Văn B, đưa vợ là Vi Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng; căn cứ vào các tài liệu của cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vi Thị T1 không được chứng kiến quá trình các bị cáo bắt bị hại Chu Văn B như thế nào; vì khi các bị cáo bắt bị hại Chu Văn B ở tại nhà của Chu Văn B thì Vi Thị T1 cũng không có mặt. Đối với vấn đề giữa vợ chồng bị hại Chu Văn B và bị cáo Nông Thị V chưa thống nhất được với nhau việc thanh toán sổ sách trong thời gian làm ăn buôn bán cùng nhau từ năm 2014. Bởi vậy, sự việc này thuộc về giao dịch dân sự, không được xem xét giải quyết trong vụ án này là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị hại Chu Văn B đưa vợ là Vi Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị hại Chu Văn B không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Chu Văn B; giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể: Tuyên bố các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1 (Cò), Đoàn Lê H1 phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nông Thị V.

Xử phạt bị cáo Nông Thị V 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng V1 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Xử phạt bị cáo Đoàn Lê H1 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là 12/11/2018.

Giao bị cáo Nông Thị V cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Trọng V1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đoàn Lê H1 cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Nông Thị V, Lê Trọng V1, Đoàn Lê H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị hại Chu Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa HS, KTNV và THA.

Cao Đức Chiến